

Bản án số: 300/2025/DS-ST

Ngày: 30 - 6 - 2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị A.

2. Bà Trần Thị Thanh Thủy.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Thanh Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2025/QĐHPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Liên Tân T, sinh năm 1994 (Có đơn xin vắng mặt).

Căn cước số: 079094029130

Địa chỉ: 1 đường N, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Căn cước số: 079168040669

Thường trú: B L, Phường I, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Liên Tân T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Kim C có quan hệ vay mượn với nhau cụ thể thông qua hai hợp đồng được ký kết vào ngày 17/11/2023 và ngày 10/5/2024. Ngày 17/11/2023, ông và bà C ký hợp đồng vay tiền số 00011801 quyển số 01/2023.TP/CC-SCC/HĐGD tại phòng C1, với số tiền là 2.000.000.000 đồng,

thời hạn 15 ngày, lãi suất 0,75%/tháng (tương đương 15.000.000 đồng/tháng). Ngày 10/05/2024, ông và bà C ký tiếp hợp đồng vay tiền (hợp đồng không có công chứng) với số tiền là 2.000.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất 0,75%/tháng (tương đương 15.000.000 đồng/tháng).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Kim C đã thực hiện việc trả lãi đến tháng 11/2024, tổng số tiền là 270.000.000 đồng.

Từ tháng 12/2024 đến nay, bà C không thực hiện trả lãi cũng như không trả nợ gốc theo thoả thuận mặc dù ông đã liên hệ nhưng bị đơn cố tình trốn tránh không thực hiện. Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị Kim Chi T1 lại ngay số tiền gốc 4.000.000.000 đồng.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, Toà án đã tiến hành triệu tập bà Nguyễn Thị Kim C đến Toà để tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa nhưng bà C đều vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Kim Chi T1 lại ngay số tiền gốc 4.000.000.000 đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa không có lý do, không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc bị đơn không trả nợ khi đến hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị Kim Chi T1 lại ngay số tiền nợ gốc 4.000.000.000 đồng. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi còn thiếu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ông Liên Tân T khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim Chi T1 số tiền còn thiếu, đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự. Bị đơn đăng ký thường trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét, tại kết quả minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh “*Đương sự Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1968 có đăng ký thường trú tại B L, Phường I, Quận A nhưng không thực tế cư trú hiện cư ngụ 5 N, Phường I, Quận C*” và kết quả xác minh tại Công an P, Quận C “*Tại địa chỉ 5 N, Phường I, Quận C không có công dân nào tên Nguyễn Thị Kim C đăng ký thường trú hoặc tạm trú từ trước đến nay*”. Căn cứ khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là “*đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú*”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung.

[1.3] Xét, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim C đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu chứng cứ, ý kiến phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.4] Căn cứ lời khai của bà Huỳnh Ngọc T2 là vợ của ông Liên Tân T thể hiện số tiền mà ông T cho bà C vay là tiền riêng của ông không liên quan đến bà. Do vậy, Tòa án không đưa bà T2 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc là 4.000.000.000 đồng, căn cứ vào lời khai và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện bị đơn đã vay số tiền 4.000.000.000 đồng của nguyên đơn theo Hợp đồng vay tiền số 00011801 ngày 17/11/2023 tại Văn phòng C2 và giấy vay tiền ngày 10/5/2024 có chữ ký, điểm chỉ và xác nhận của bà Nguyễn Thị Kim C.

[2.1] Đối với tiền nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng vay tiền ngày 17/11/2023 tại Văn phòng C2 có nội dung: “...*Bên A cho bên B vay số tiền là 2.000.000.000 VNĐ (Hai tỷ đồng)... thời hạn vay là 15 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này... lãi suất là 0,75%/tháng trên tổng số tiền vay...*”, và giấy vay tiền ngày 10/5/2024 (không công chứng) nhưng có chữ ký và điểm chỉ của bà C. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không tham gia tố tụng theo giấy triệu tập của Tòa và cũng không cung cấp các tài liệu, chứng cứ khác để chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà C còn nợ ông T số tiền gốc 4.000.000.000 đồng.

[2.2] Đối với tiền lãi: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn thực hiện việc trả lãi đầy đủ đến tháng 11/2024 là 270.000.000 đồng nhưng từ tháng 12/2024 đến nay, bị đơn không trả lãi. Do các bên không tranh chấp về số tiền lãi suất đã trả, nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi còn thiếu nên Hội đồng xét xử không xem xét và ghi nhận về sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi suất còn thiếu.

[2.3] Do bà C đã vi phạm thời hạn thanh toán làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, do vậy yêu cầu của ông T buộc bà C phải trả ngay số tiền nợ trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C phải trả ngay cho ông Liên Tân T số tiền là 4.000.000.000 (Bốn tỷ) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền phải nộp, thì hàng tháng phải chịu thêm số tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự trên số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 112.000.000 (Một trăm mười hai triệu) đồng.

Ông Liên Tân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Liên Tân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.135.000 (Năm mươi sáu triệu một trăm ba mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0075591 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Phương Lan